

NGHỊ QUYẾT**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XIV)
về phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững,
có giá trị gia tăng cao⁽¹⁾**

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Bình Thuận là tỉnh duyên hải cực Nam Trung bộ, diện tích tự nhiên 7.942,46 km², diện tích đất sản xuất nông nghiệp 356.746 ha, chiếm 44,91% diện tích đất tự nhiên; có bờ biển dài 192 km, ngư trường rộng lớn. Bình Thuận có điều kiện để phát triển ngành nông nghiệp toàn diện, bao trùm cả 03 lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

Thời gian qua, tỉnh đã tập trung dành nhiều nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là hệ thống thủy lợi. Trong giai đoạn 2016 - 2020, GRDP nhóm ngành nông - lâm - thủy sản tăng bình quân 2,88%/năm⁽²⁾; đến năm 2020, tỷ trọng nông - lâm - thủy sản chiếm 29,49% trong tổng giá trị tăng thêm. Cơ cấu cây trồng được chuyển đổi đúng hướng⁽³⁾. Đã hình thành một số mô hình liên kết sản xuất gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngành chăn nuôi chuyển dần từ quy mô nhỏ lẻ sang quy mô trang trại, ứng dụng khoa học công nghệ, kiểm soát môi trường và dịch bệnh. Công tác trồng, quản lý, bảo vệ rừng được quan tâm thực hiện. Lĩnh vực thủy sản phát triển ổn định, gắn kết giữa khai thác, nuôi trồng với chế biến, xuất khẩu thủy sản, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản ngày càng tăng, thị trường tiêu thụ được mở rộng, góp phần thúc đẩy ngành nông nghiệp của tỉnh phát triển.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp trên cả 03 lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản còn nhiều khó khăn do dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hạn hán, nguồn lợi thủy sản bị suy giảm, thị trường, giá cả không ổn định. Kết quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp chưa rõ nét, tăng trưởng ngành nông nghiệp chưa bền vững; ứng dụng khoa học - công nghệ và cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp còn yếu; chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của một số sản phẩm nông nghiệp còn thấp. Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp chưa đáp ứng tốt yêu cầu. Sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún; liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị trong nông nghiệp chưa hiệu quả, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao còn khó khăn.

⁽¹⁾ Theo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (trang 107, tập 2).

⁽²⁾ Cập nhật theo Báo cáo số 86-BC/BCS, ngày 06/5/2021 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh.

⁽³⁾ Diện tích cây lâu năm từ 33,36% (năm 2015) tăng lên 37,75% (năm 2020); diện tích cây hàng năm từ 66,64% (năm 2015) giảm còn 62,25% (năm 2020).

** Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do:*

- Quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành thực hiện các chủ trương, giải pháp về cơ cấu lại ngành nông nghiệp chưa cao, còn lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện.

- Sự phối hợp và tính liên kết trong nội bộ ngành nông nghiệp và giữa ngành nông nghiệp với các ngành khác chưa chặt chẽ. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, doanh nghiệp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng dụng khoa học - công nghệ gắn với bảo vệ môi trường, sạch, an toàn chưa thường xuyên, hiệu quả còn thấp. Chưa có các chính sách hấp dẫn để khuyến khích thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản.

- Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ vào nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ gen, công nghệ sau thu hoạch... chưa được quan tâm đầu tư và tổ chức thực hiện.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng cao thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hữu cơ gắn với liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị và bảo vệ môi trường sinh thái là nhiệm vụ, giải pháp then chốt để phát triển ngành nông nghiệp trở thành 01 trong 03 trụ cột của nền kinh tế của tỉnh.

2. Chuyển đổi mạnh mẽ tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; từ sản xuất nông nghiệp truyền thống lấy sản lượng làm trọng tâm sang sản xuất chế biến, cung cấp dịch vụ nông nghiệp chất lượng, sạch, an toàn, có giá trị kinh tế cao gắn với phát triển thị trường và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

3. Tăng cường thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân đầu tư vào nông nghiệp, lấy doanh nghiệp, hợp tác xã giữ vai trò nòng cốt, làm cầu nối, dẫn dắt trong xây dựng và phát triển các chuỗi giá trị, hỗ trợ hộ nông dân ứng dụng khoa học - công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, sạch, an toàn, bảo vệ môi trường sinh thái, có khả năng chống chịu với dịch bệnh và biến đổi khí hậu.

- Nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp Bình Thuận. Nâng cao thu nhập cho người dân.

- Tăng cường liên kết sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến, dịch vụ theo chuỗi giá trị. Phấn đấu đến năm 2030, ngành nông nghiệp của tỉnh đạt trình độ khá về ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; có hệ sinh thái phát triển bền vững.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp đạt bình quân từ 2,8 - 3,3%/năm⁽⁴⁾; năng suất lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản (*gọi chung là nông nghiệp*) tăng bình quân từ 7 - 8%/năm; giá trị kim ngạch xuất khẩu nông sản tăng bình quân khoảng 5%/năm.

- Đến năm 2025:

+ Tỷ trọng nông, lâm, thủy sản chiếm 22 - 23% trong giá trị tăng thêm⁽⁵⁾; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản (*gọi chung là nông sản*) được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 25%; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt trên 20%; tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản đạt trên 8%/năm; diện tích đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 1,5 - 2% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp; tỷ lệ phân bón hữu cơ đạt trên 15% tổng phân bón được sử dụng trên địa bàn; giữ ổn định tỷ lệ độ che phủ rừng 43% và nâng cao chất lượng rừng.

+ Thu hút số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tăng 50% so với năm 2020; trên 70% hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả; tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt trên 64%.

+ Thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020; giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha đất trồng trọt đạt khoảng 130 triệu đồng.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện quy hoạch và cơ cấu lại sản xuất các lĩnh vực

1.1- Hoàn thiện quy hoạch

Rà soát, quản lý quy hoạch phát triển nông nghiệp (*gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản*), quy hoạch các vùng trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, nhu cầu thị trường, tập quán sản xuất tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm phát triển bền vững. Quy hoạch, triển khai dự án xây dựng khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao có hạ tầng hoàn thiện (điện, nước, giao thông, viễn thông...) để kêu gọi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình đầu tư sản xuất.

Mở rộng diện tích và nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp; chuyển đổi những khu vực rừng trồng sản xuất kém hiệu quả sang sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Đảm bảo ổn định diện tích nuôi trồng thủy sản trên đất liền, mở rộng diện tích nuôi trồng trên biển và đảo Phú Quý. Giữ ổn định diện tích quy hoạch rừng tự nhiên, phát triển rừng trồng ở khu vực đất đồi núi chưa sử dụng.

⁽⁴⁾ Theo Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

⁽⁵⁾ Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

1.2- Cơ cấu lại sản xuất trên các lĩnh vực phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Lĩnh vực trồng trọt:

Cơ cấu lại quy mô sản xuất, hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, có điều kiện kết hợp nông nghiệp với du lịch. Thúc đẩy mạnh mẽ việc trồng giống mới có năng suất, chất lượng, khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu của tỉnh đối với các loại cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao (thanh long, xoài, dưa lưới, nho, cam, quýt, bưởi, nhãn...).

Nghiên cứu thị trường, phát triển các sản phẩm cây ăn trái được ưa chuộng, phát triển diện tích thanh long phù hợp quy hoạch và nhu cầu của thị trường. Khuyến khích phát triển cây dược liệu, phấn đấu đưa cây dược liệu trở thành một trong những sản phẩm chủ lực của ngành nông nghiệp Bình Thuận.

Xây dựng vùng sản xuất tập trung lúa giống và lúa thương phẩm chất lượng cao, hướng đến xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo chất lượng cao và lúa gạo đặc sản mang thương hiệu của tỉnh. Quản lý, sử dụng hiệu quả đất lúa, chuyển đổi linh hoạt giữa cây lương thực và các loại cây trồng khác (cây thực phẩm, dược liệu) có giá trị kinh tế. Khuyến khích, tạo điều kiện cho người dân hoán đổi, tập trung ruộng đất theo quy hoạch, phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, có sức cạnh tranh cao.

b) Lĩnh vực chăn nuôi:

Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng các loài nuôi có giá trị kinh tế, dễ tiêu thụ, có thị trường ổn định như bò thịt, gia cầm... Phát triển chăn nuôi theo mô hình trang trại, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, sạch, an toàn.

Phát triển mô hình chăn nuôi tuần hoàn gắn với giết mổ, chế biến tập trung, sử dụng chất thải chăn nuôi phục vụ trồng trọt để nâng giá trị gia tăng, bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

c) Lĩnh vực thủy sản:

Cơ cấu lại sản xuất thủy sản theo hướng tăng tỷ trọng sản lượng nuôi trồng, giảm tỷ trọng sản lượng khai thác. Phát triển khai thác thủy sản xa bờ hiện đại, tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Xây dựng và thực hiện Đề án phát triển nuôi trồng hải sản trên biển với các loài có giá trị kinh tế cao⁽⁶⁾.

Phát triển các khu sản xuất tôm giống gắn với khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng sản xuất tôm giống công nghệ cao, giữ vững thương hiệu tôm giống Bình Thuận.

⁽⁶⁾ Tôm thẻ, tôm sú, cá biển và thủy đặc sản nước ngọt.

Đẩy mạnh phát triển các mô hình liên kết, hợp tác khai thác, chế biến, bảo quản, tiêu thụ (nội địa và xuất khẩu) các sản phẩm hải sản theo chuỗi giá trị, trong đó ngư dân, tổ hợp tác, hợp tác xã là chủ thể, doanh nghiệp chế biến làm nòng cốt.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp không để ngư dân khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU) gắn với hiện đại hóa công nghệ quản lý đội tàu, quản lý ngư trường khai thác. Bảo vệ và phục hồi nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái ven biển, hải đảo gắn với sinh kế của cộng đồng ngư dân.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp:

Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có của tỉnh. Triển khai tốt các giải pháp ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm minh các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, lấn chiếm đất rừng; triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Đẩy mạnh trồng và phục hồi rừng tại các khu vực phòng hộ, đầu nguồn, nơi có nguy cơ sạt lở. Không chuyển diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng ven biển có nguồn gốc đầu tư từ ngân sách nhà nước sang mục đích sử dụng khác (*trừ các dự án phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc các dự án đặc biệt, cấp thiết do Thủ tướng Chính phủ quyết định*). Phát triển và nâng cao chất lượng rừng trồng, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn có giá trị kinh tế gắn với tiêu chuẩn FSC⁽⁷⁾.

Điều tra, thống kê, quản lý chặt chẽ gắn với bảo tồn, phát triển những khu vực có rừng, cây tái sinh ven sông, ven biển (không phân biệt loại rừng, loại lâm sản). Phát triển mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng và các loại hình du lịch sinh thái bền vững gắn với phát triển, bảo vệ rừng.

Xây dựng đề án và triển khai hình thành vùng nguyên liệu gỗ và chế biến bền vững giai đoạn 2021 - 2030. Cơ cấu lại sản phẩm theo hướng đẩy mạnh sản xuất, chế biến sản phẩm đồ gỗ nội thất, ván nhân tạo (ván MDF, ván ghép thanh, ván dăm)... nhằm đa dạng hóa sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, từng bước hạn chế xuất khẩu sản phẩm sơ chế, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh sản phẩm.

2. Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp và phòng, chống thiên tai

Ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình thủy lợi lớn, đa mục tiêu. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương thúc đẩy dự án hồ chứa nước La Ngà 3; khởi công hồ chứa nước Ka Pét. Triển khai giai đoạn 2 dự án hồ Sông Dinh 3 và hệ thống kênh nhánh, kênh tiếp nước liên huyện phía Nam tỉnh, kênh chính Bắc Sông Quao, hệ thống kênh mương hồ Sông Lũy... Từng bước đầu tư mạng lưới quan trắc thủy văn ở lưu vực các hồ thủy lợi để chủ động điều tiết nguồn nước và ứng phó với hạn hán, lũ lụt. Nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung kết nối liên xã, liên huyện, đảm bảo chủ động nguồn nước phục vụ sinh hoạt cho nhân dân, nhất là vùng khô hạn.

⁽⁷⁾ Tiêu chuẩn được Hội đồng Quản trị rừng Quốc tế công nhận.

Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương và huy động các nguồn lực của tỉnh để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu, kè biển, thủy lợi, các công trình, dự án phát triển nông nghiệp và phòng, chống thiên tai theo quy hoạch⁽⁸⁾.

Tăng cường xã hội hóa đầu tư chợ nông thôn, chợ đầu mối, trung tâm thu mua nông sản tiến tới xây dựng “sàn giao dịch nông sản”. Tiếp tục triển khai tốt Đề án phát triển giao thông nông thôn và đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng lưới điện. Khuyến khích người dân tích cực làm thủy lợi nhỏ, cải tạo kênh mương nội đồng, giao thông nội đồng, phục vụ sinh hoạt, sản xuất.

3. Thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp và phát triển công nghiệp chế biến

Đẩy mạnh việc chuyên giao, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật ở tất cả các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường. Phát triển các loại hình dịch vụ ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

Phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghệ sau thu hoạch đáp ứng yêu cầu phát triển hàng hóa quy mô lớn trong nông nghiệp. Tích cực kêu gọi các nhà đầu tư có kinh nghiệm, năng lực tham gia đầu tư các nhà máy chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng hiện đại trong bảo quản, chế biến nông sản. Tăng cường kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường tiêu thụ, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm có lợi thế, như quả thanh long, hải sản, nước mắm,...

4. Đổi mới mô hình tổ chức sản xuất, nâng cao chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và phát triển thị trường tiêu thụ

Đẩy mạnh phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt, hiệp hội, hợp tác xã, tổ hợp tác làm cầu nối, dẫn dắt thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa; đưa khoa học - công nghệ, trình độ quản trị vào chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp. Kết hợp sản xuất nông nghiệp với hoạt động du lịch ở những nơi đủ điều kiện.

Thúc đẩy liên kết trong sản xuất nông nghiệp, nhất là giữa nông dân với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác để tập trung ruộng đất và tổ chức lại sản xuất theo hướng chuyên canh, hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, tạo thuận lợi áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa, quy trình sản xuất tiên tiến, tạo ra sản phẩm đồng nhất về chất lượng gắn với chế biến, tiêu thụ. Vận động nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số thay đổi tập quán sản xuất nông nghiệp không còn phù hợp.

⁽⁸⁾ Trong đó sớm triển khai giai đoạn 2 Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Phú Quý và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá bức xúc tại Mũi Né, Chí Công, Ba Đàng, các công trình kè biển...

Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo hướng chất lượng, an toàn, sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc gắn với xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh và sản phẩm đặc sản của địa phương (OCOP). Tăng cường chuyển đổi số và thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thương mại và giao lưu khách hàng bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến, kết nối thị trường nông sản của tỉnh với chuỗi cung ứng nông sản trong và ngoài nước. Tăng cường nghiên cứu, phân tích, dự báo thị trường, tháo gỡ rào cản kỹ thuật. Triển khai các chính sách và giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân nâng cao khả năng thích ứng với trạng thái “bình thường mới” vừa phòng, chống dịch bệnh (Covid-19) vừa phát triển sản xuất, kinh doanh.

Giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại, chất cấm... trong sản xuất và bảo quản sản phẩm nông nghiệp; tăng cường kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn từ khu vực sản xuất nông nghiệp.

5. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, huy động nguồn lực phát triển nông nghiệp

Cụ thể hóa, triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp phù hợp thực tế tại địa phương. Nghiên cứu ban hành một số chính sách đặc thù theo thẩm quyền của tỉnh để thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp theo định hướng, mục tiêu đề ra, nhất là các chính sách hỗ trợ về đất đai, tín dụng, đầu tư hạ tầng, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi số; liên kết sản xuất, phát triển thị trường tiêu thụ, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh và sản phẩm OCOP...

Bảo đảm cân đối nguồn vốn ngân sách tỉnh hợp lý để thực thi các chính sách. Tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương, vốn từ các thành phần kinh tế cho phát triển nông nghiệp. Thực hiện tốt cơ chế lồng ghép các nguồn vốn từ các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn lực của tỉnh để thực hiện.

6. Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, sự tham gia của người dân

Rà soát, cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nhất là đất đai, sử dụng điện, nước, dịch vụ thu mua nông sản, hoạt động nghề cá và dịch vụ hậu cần nghề cá... Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao khả năng thu hút dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản. Kiên quyết thu hồi các dự án đầu tư vào nông nghiệp đã được giao đất nhưng không triển khai, chậm triển khai hoặc triển khai không đúng mục đích, mục tiêu của dự án, gây lãng phí tài nguyên đất đai. Hỗ trợ nông dân và các tổ chức kinh tế thực hiện chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm nông nghiệp.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nông nghiệp; xây dựng đội ngũ chuyên gia ngành nông nghiệp, đội ngũ cán bộ dự báo, phân tích thị trường. Ưu tiên đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp, hợp tác xã, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn. Hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động của các hợp tác xã; thu hút, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nông nghiệp.

Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, các hiệp hội tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng cao theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với liên kết theo chuỗi giá trị. Xác định rõ phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng cao là xu thế tất yếu, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị.

Tuyên truyền, phổ biến các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư; các tiêu chuẩn, quy chuẩn nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và kịp thời nhân rộng, giới thiệu cho người sản xuất tiếp cận được các kết quả, mô hình ứng dụng công nghệ cao hoạt động có hiệu quả.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết này; trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế để triển khai thực hiện.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết này và phát huy vai trò giám sát, phản biện theo quy định.

3. Giao Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện Nghị quyết này; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ hàng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để theo dõi, chỉ đạo.

Nghị quyết này được triển khai đến chi bộ, đảng viên và phổ biến rộng rãi đến nhân dân toàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và PTNT,
- Vụ địa phương II, VPTW tại T.78,
- Bộ phận địa phương, Ban Kinh tế TW Đảng,
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh,
- Các sở, ban, ngành,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Dương Văn An